

# BIỆN PHÁP QUẢN LÝ NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO HỌC VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN HUỆ HIỆN NÀY

PHẠM XUÂN LÝ\*

Ngày nhận bài: 12/05/2016; ngày sửa chữa: 15/05/2016; ngày duyệt đăng: 15/05/2016.

**Abstract:** To improve students study at universities in the army now, requires synchronization solutions, this article mentions some basic measures to improve the capacity for self-study participants are: education building engine, attitude, self-taught proper responsibility; retraining and skills training system self-learning; Good management of learning activities of students; Constantly improving teaching methods in a positive direction, learner-centered; Improving the assessment of learning outcomes required by the method of teaching - to stimulate self-learning self-study; as well the emulation reward and encourage material benefits and spiritual practitioners in training learning process.

**Keywords:** Management practices, improve quality, capacity study, students.

“**H**ọc tập suốt đời” là tư tưởng giáo dục mới, mang tính quốc tế sẽ trở thành điều kiện phát triển cơ bản và quan trọng nhất, cũng là con đường phát triển bền vững của mỗi con người. Vì vậy, khi còn ngồi trên ghế nhà trường, người học không chỉ học “để biết” mà phải “biết học” để nâng cao khả năng phát hiện, tiếp thu kiến thức mới, xử lý các tình huống phát sinh một cách linh hoạt. Để thực hiện tốt chủ trương này, cần đổi mới cách dạy, cách học, cách quản lý (QL) nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo ở mỗi người học.

Đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), cách thức QL là một nhu cầu tất yếu, trong đó vấn đề tạo ra năng lực tự học (TH), tự sáng tạo ở người học là cốt lõi của PPDH mới.

## 1. Thực trạng vấn đề TH và công tác QL hoạt động TH của học viên (HV) Trường Đại học Nguyễn Huệ

**1.1. Thực trạng về vấn đề TH của HV.** Để tìm hiểu về vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 153 HV, 180 giảng viên (GV) và 180 cán bộ quản lý (CBQL) về thực trạng hoạt động TH, năng lực TH của HV, thời gian khảo sát (từ tháng 1- 4/2016), chúng tôi thu được kết quả sau (xem *bảng 1, 2, 3*).

Kết quả *bảng 1* cho thấy, đa số HV chưa nhận thức đầy đủ, chính xác vai trò, tác dụng của TH đối với sự thành công của việc học, phần lớn chỉ mới thấy tác dụng tích cực của TH trong việc tiếp thu và củng cố kiến thức. Một bộ

*Bảng 1. Nhận thức của HV về vấn đề TH*

TT	Tác dụng của TH	Mức độ		
		Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)
1	Giúp HV hiểu sâu bài	69,1	26,5	4,4
2	Giúp học HV mở rộng kiến thức	43,1	50,0	6,9
3	Giúp HV củng cố, ghi nhớ vững chắc kiến thức	50,2	41,2	8,6
4	Giúp HV đạt kết quả cao trong các kì thi	44,2	53,9	1,9
5	Giúp HV rèn luyện tính tích cực, tự chủ trong học tập	11,2	46,9	41,9
6	Giúp HV rèn luyện ý thức tổ chức kỉ luật và nề nếp học tập	22,5	34,8	42,7
7	Giúp HV có ý thức học tập suốt đời	18,2	52,1	29,7
8	Giúp HV có khả năng tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động học tập của bản thân	27,3	22,1	50,6

*Bảng 2. Động cơ TH của HV*

TT	Các động cơ	Mức độ đồng ý		
		Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)
1	Khát vọng chiếm lĩnh tri thức, khám phá cái mới	31,3	42,6	26,1
2	Mong muốn đạt kết quả cao trong các kì thi	22,9	69,3	7,8
3	Hứng thú đối với các môn học			
	- Các môn chuyên ngành	26,7	69,9	3,4
	- Các môn chính trị	14,3	49,2	36,5
	- Các môn điều lệnh quân sự	17,5	51,2	31,3
4	Yêu thích say mê nghề nghiệp	9,7	50,7	39,6
5	Cơ hội việc làm và công danh	26,6	66,6	6,8
6	Sự cung ứng học bổng và các trợ cấp khác	17,9	70,5	11,6

\* Trường Đại học Nguyễn Huệ

phận khá lớn chưa thấy được vai trò quan trọng của TH đối với sự hình thành và phát triển các kĩ năng TH, các phẩm chất khác như tính tích cực, chủ động và sáng tạo cũng như khả năng tự đánh giá, tự điều khiển trong học tập. Vì vậy, trên thực tế nhiều HV còn xác định học là vì điểm số, có tâm lí học đối phó, thụ động, dựa dẫm, ỷ lại... (bảng 2).

Kết quả *bảng 2* cho thấy, phần lớn HV chưa xác định đúng đắn động cơ học tập, đó là học vừa để phục vụ bản thân vừa phục vụ lợi ích của tập thể, chưa coi trọng đúng mức nhu cầu nhận thức và mong muốn trưởng thành một cách toàn diện. Động cơ TH chưa đủ mạnh, chưa thiết tha yêu nghề, thiếu hứng thú dẫn đến không tự giác, ỷ lại vào GV trong quá trình dạy học (*bảng 3*).

*Bảng 3* cho thấy, nhiều HV chưa có phương pháp TH phù hợp, chưa chú ý rèn luyện các kĩ năng TH, chủ yếu mới dừng lại trong việc giải quyết các bài tập nhận thức để đối phó với sự kiểm tra của GV và CBQL; chưa tích cực nghiên cứu tài liệu, hệ thống hóa và tích lũy kiến thức, kĩ năng đọc yếu, chưa tự đánh giá, điều chỉnh hoạt động TH của bản thân.

**1.2. Thực trạng về công tác QL hoạt động TH của HV.** Qua khảo sát 120 CBQL về việc sử dụng các biện pháp QL TH của HV, chúng tôi thu được kết quả sau (*bảng 4*).

*Bảng 4* cho thấy, công tác QL HV về TH của CBQL được tiến hành với nhiều hình thức, biện pháp phong phú và đa dạng. Đội ngũ cán bộ đã có nhiều cố gắng trong đổi mới tổ chức QL TH nhằm nâng cao chất lượng GD-ĐT. Tuy nhiên sự phối hợp giữa CBQL và GV trong QL việc TH cũng như vấn đề kế hoạch hóa trong QL TH của HV ở các trường đại học trong quân đội nói chung, Trường Đại học Nguyễn Huệ nói riêng vẫn chưa đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn dạy học và TH.

Để tìm hiểu thực trạng về công tác QL của GV về

*Bảng 3. Thực trạng về phương pháp TH của HV*

TT	Các biện pháp	Mức độ sử dụng		
		Thường xuyên (%)	Không thường xuyên (%)	Không sử dụng (%)
1	Có kế hoạch TH rõ ràng và khoa học	18,7	39,6	41,7
2	Học mọi lúc, mọi nơi, mọi nội dung, với mọi người, bằng mọi cách	2,4	51,7	45,9
3	Huy động hết mọi khả năng của mình trước khi sử dụng sự hỗ trợ từ bên ngoài	42,1	32,6	25,3
4	Học theo cá nhân là chính	11,7	45,2	43,1
5	Dành nhiều thời gian thảo luận kinh nghiệm TH theo nhóm, tổ	41,1	45,6	13,3
6	Nghiên cứu bài giảng trước khi lên lớp	17,9	70,5	11,6
7	Tập trung nghe giảng tự ghi theo ý hiểu của mình	50,1	40,2	9,7
8	Nghiên cứu lại bài ngay sau buổi lên lớp	26,5	60,3	13,2
9	Nghiên cứu thêm tài liệu, bổ sung vào vở ghi	25,3	23,2	51,5
10	Tự nêu vấn đề, tự giải quyết vấn đề	12,7	25,5	61,8
11	Lập sơ đồ hệ thống hóa, làm tóm tắt sau mỗi chương, phần, môn học	24,8	31,8	43,4

*Bảng 4. Kết quả khảo sát CBQL*

Các biện pháp QL	Số lượng	Hiệu quả sử dụng (theo tỉ lệ %)			
		1	2	3	4
1. Tổ chức TH trên lớp theo tập thể	108	60,68	19,44	12,03	7,85
2. Để HV học theo sở thích quản lí bằng kế hoạch	90	31,11	25,56	30,0	40,33
3. Kiểm tra đề cương trước khi seminar	99	24,21	51,51	24,28	
4. Phối hợp chặt chẽ với giảng viên để QL	81	16,04	22,22	38,33	23,41

vấn đề TH của HV, chúng tôi đã khảo sát 180 GV kết quả thu được như sau (xem *bảng 5*).

Kết quả *bảng 5* cho thấy, việc nhấn mạnh nội dung cơ bản HV cần nghiên cứu sâu sau khi nghe giảng được các GV sử dụng nhiều nhất; hướng dẫn thảo luận chiếm vị trí thứ hai; xây dựng bài tập nhận thức, câu hỏi TH GV sử dụng ở mức độ thứ ba; kiểm tra kết quả TH của HV theo thống kê GV sử dụng ở mức độ thứ tư. Tuy nhiên qua khảo sát còn rất nhiều GV chưa làm được điều đó, bài giảng vẫn mang nặng kiểu “thông

Bảng 5

Hình thức QL	Số lượng	Mức độ sử dụng (theo tỉ lệ %)				
		1	2	3	4	5
1. Nhấn mạnh nội dung cơ bản HV cần nghiên cứu sau khi nghe giảng	177	89,83	6,21	3,96		
2. Hướng dẫn thảo luận	153	10,46	52,90	13,07	23,57	
3. Xây dựng bài tập nhận thức, câu hỏi TH	156	10,89	22,64	32,07	30,08	4,32
4. Giới thiệu tài liệu tham khảo cần thiết	157	7,00	25,47	33,12	24,84	9,57
5. Kiểm tra kết quả TH của HV	149	14,42	10,06	28,85	28,18	18,49

báo - tái hiện”, chưa phối hợp chặt chẽ với CBQL trong QL giờ TH, trong kiểm tra kết quả TH của HV, các yếu tố khách quan như thời gian chuẩn bị, tài liệu tham khảo, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng seminar và một số hình thức khác.

## 2. Biện pháp QL nhằm nâng cao năng lực TH cho HV ở Trường Đại học Nguyễn Huệ

**2.1. Tổ chức giáo dục xây dựng động cơ, thái độ, trách nhiệm TH đúng đắn cho HV.** Lí thuyết hoạt động trong Tâm lí học đã chỉ ra rằng: mọi động cơ hoạt động của con người đều có nguồn gốc từ bên ngoài, được hình thành do những tác động từ bên ngoài và được cá nhân hóa thành hứng thú, tâm thế, niềm tin ở bên trong mỗi người học. Do vậy, giáo dục động cơ TH cho HV là giúp họ xác định được mục đích, nhiệm vụ đúng đắn của việc học nói chung và TH nói riêng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, CBQL các đơn vị HV (hệ, tiểu đoàn, đại đội, lớp) thông qua sinh hoạt đảng, đoàn, đơn vị để quán triệt mục tiêu, yêu cầu đào tạo với từng đối tượng HV; phải tìm tòi suy nghĩ tìm ra phương thức hay, phù hợp để giáo dục. Lực lượng GV của nhà trường trong quá trình giảng dạy, tùy theo chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm của từng môn học phải có trách nhiệm trong việc giáo dục động cơ, thái độ, trách nhiệm học tập cho HV.

**2.2. Bồi dưỡng và rèn luyện hệ thống kĩ năng TH cho HV.** Đây là biện pháp quan trọng quyết định đến kết quả TH. Bởi vì muốn có năng lực trong một lĩnh vực nào đó, nhất thiết phải có tri thức, kĩ năng, kĩ xảo trong lĩnh vực hoạt động đó, đồng thời là điều kiện để hình thành và phát triển năng lực. Vì vậy, để bồi dưỡng và rèn luyện kĩ năng TH cho HV

cần tập trung vào các kĩ năng như: xây dựng kế hoạch TH; nghe và ghi chép ở trên lớp; đọc sách và tài liệu; làm bài tập và giải quyết các vấn đề học tập; tư duy; thực hành ứng dụng; tự kiểm tra, tự đánh giá, tự điều chỉnh quá trình học tập.

## 2.3. QL tốt hoạt động học tập của HV.

- *QL tốt việc học tập trên lớp:* Tổ chức và chỉ đạo tốt việc học trên lớp không chỉ tạo ra kỉ cương, nề nếp dạy học - giáo dục mà còn tạo ra trạng thái tinh thần tự giác, tích cực, chủ động của GV và HV, tạo sự hài hòa, hạn

chế những thiếu sót trong quá trình học tập. Vì vậy, cần kiểm tra, theo dõi chặt chẽ quân số học tập hàng ngày, thực hiện tốt “giờ nào việc nấy” không cắt xén thời gian; GV tăng cường kiểm tra bài cũ, bài tập của HV, có nhận xét và cho điểm; phối hợp chặt chẽ với CBQL nắm chất lượng nghe giảng và ghi chép của HV để điều chỉnh nội dung, phương pháp cho phù hợp.

- *QL TH ngoài giờ lên lớp:* tương ứng với mỗi giờ lên lớp của GV thì HV có một giờ tự ôn bài có thể theo kế hoạch hoặc không theo kế hoạch. Tuy nhiên để chất lượng TH đạt hiệu quả, CBQL cần phối hợp với GV duy trì nghiêm thời gian, giờ ôn bài, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện hoạch TH do HV vạch ra, chủ động nắm và giải quyết ý kiến thắc mắc; tăng cường tọa đàm, thảo luận chuyên đề, sinh hoạt khoa học, thực hành, thực tập để nâng cao tri thức, kĩ xảo, kĩ năng cho người học.

**2.4. Thường xuyên cải tiến PPDH theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm.** Quá trình dạy học luôn có sự thống nhất biện chứng giữa việc dạy và việc học. Một trong những yếu tố tạo nên động lực cho việc học tập chủ động, cho quá trình TH của HV là cách dạy của GV. Muốn tích cực hóa hoạt động học tập, phát huy cao độ vai trò chủ thể của người học, trong quá trình dạy học GV phải thể hiện tốt vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, trọng tài, cổ vũ... Điều đó đòi hỏi GV phải cải tiến PPDH theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm, căn cứ vào từng nội dung của bài học, môn học, chuyên đề để lựa chọn các phương pháp thích hợp, chú trọng vào cải tiến việc soạn giáo án, thay đổi phương pháp

truyền thụ kiến thức, xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa thầy và trò, thực hiện dạy học “cá thể hóa”, đổi mới cách thức hướng dẫn HV thực hành, thí nghiệm, TH, tự nghiên cứu.

**2.5. Cải tiến việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập để kích thích việc TH của HV.** Đây là nhiệm vụ rất quan trọng của GV và CBQL, kiểm tra có tác dụng thúc đẩy hoạt động TH của HV theo đúng kế hoạch và đạt hiệu quả cao; đồng thời, cung cấp phản hồi cho việc điều chỉnh giảng dạy của GV, điều chỉnh phương pháp QL của CBQL trong hoạt động TH. Do vậy, CBQL phải tăng cường kiểm tra quá trình thực hiện kế hoạch TH của HV, đồng thời dựa vào đánh giá của GV để nắm kết quả, nhận xét, phản ánh trong giao ban và tính vào điểm thi đua để động viên người học, nhắc nhở, uốn nắn những sai sót, lệch lạc nhằm thúc đẩy hoạt động TH của HV ngày càng hiệu quả. Đội ngũ GV cần thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động TH của HV thông qua việc kiểm tra bài cũ trước khi vào bài mới, tăng cường ra đề thi, kiểm tra có liên quan đến nội dung TH, giúp người học biết vận dụng tổng hợp tri thức đã học để giải quyết những yêu cầu đặt ra trong quá trình kiểm tra, đánh giá.

**2.6. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất và tinh thần cho HV.** Thi đua khen thưởng là biện pháp giáo dục trong QL nhằm kích thích, lôi cuốn, động viên mọi người gắng sức, hăng hái vươn lên giành thành tích cao nhất trong hoạt động. Thi đua có tác động đến tình cảm, ý chí, niềm tin, xây dựng tình đoàn kết, động viên tích cực, sáng tạo của mỗi người. Để thực hiện có hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, cần xác định mục tiêu thi đua cụ thể, rõ ràng, thiết thực, tổ chức chặt chẽ, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra thường xuyên, có tổng kết rút kinh nghiệm. Tùy theo từng nhiệm vụ có chế độ khen thưởng hợp lý với nhiều hình thức khác nhau cả về vật chất và tinh thần hướng vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị là học tập và rèn luyện, xây dựng nền nếp chính quy.

\*\*\*

Để nâng cao năng lực TH cho HV đòi hỏi phải có nhiều giải pháp đồng bộ, trên đây chỉ là một số giải pháp cơ bản. Hiệu quả QL nhằm nâng cao năng lực TH cho HV cần đặt trong mối quan hệ tổng thể với các yếu tố khác của quá trình đào tạo. Do đó, đội ngũ GV cần phối hợp chặt chẽ với CBQL trong việc QL

hoạt động TH của HV, không coi việc QL HV chỉ là QL hành chính đơn thuần. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Khánh Bằng (1998). *Tổ chức phương pháp tự học cho sinh viên đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Bộ Quốc phòng (2001). *Quy chế quản lý học viên trong nhà trường quân đội* (Ban hành kèm theo Quyết định số 2032/2001/QĐ-BQP ngày 30/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).
- [3] I.F.Kharlamov (1978). *Phát huy tính tích cực của học sinh như thế nào* (tập 1, 2, 3) NXB Giáo dục.
- [4] Trần Kiểm (2006). *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Hồ Ngọc Đại (2014). *Tâm lý học dạy học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

## Thực trạng và giải pháp quản lí...

(Tiếp theo trang 96)

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015). *Báo cáo việc làm và thị trường lao động vùng Đồng bằng sông Cửu Long*.
- [3] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ GD-ĐT - Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ (2015). *Báo cáo về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015, phương hướng phát triển 2016-2020*.
- [4] Thủ tướng Chính phủ (2009). *Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về việc phê duyệt đề án: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*.
- [5] Tổng cục Thống kê (2015). *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2014*.
- [6] Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 371/QĐ-TTg ngày 28/02/2013 phê duyệt đề án “chuyển giao các bộ chương trình; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề; đào tạo thí điểm các nghề trọng điểm cấp độ khu vực Asean, quốc tế” giai đoạn 2012-2015*.
- [7] Ban Chấp hành Trung ương (2011). *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*.
- [8] Phan Văn Kha (2007). *Đào tạo và sử dụng nhân lực trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- [9] Thủ tướng Chính phủ (2011). *Quyết định số 1033/QĐ-TTg ban hành ngày 30/06/2011 về việc phê duyệt đề án: Phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015*.
- [10] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29/05/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011-2020*.